

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc đăng ký hành nghề và quản lý hoạt động
hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, việc tổ chức thi, cấp, thu hồi
Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký hành nghề và quản lý hoạt động hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, việc tổ chức thi, cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế,

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1.1. Thông tư này áp dụng đối với:

a- Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hành nghề của tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi chung là đại lý thuế) theo quy định tại khoản 4, Điều 20 Luật Quản lý thuế.

b- Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

c- Nhân viên hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế làm việc cho đại lý thuế (sau đây gọi chung là nhân viên đại lý thuế).

d- Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý thuế.

e- Công chức thuế, cơ quan Thuế các cấp.

1.2. Thông tư này không áp dụng cho các trường hợp sau:

a- Người nộp thuế tự làm thủ tục về thuế.

b- Đại lý Hải quan làm thủ tục về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Giải thích từ ngữ:

Một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

2.1. “Dịch vụ làm thủ tục về thuế” là hoạt động của đại lý thuế thực hiện các thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, khiếu nại về thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế thay người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hợp đồng dịch vụ đã ký kết.

2.2. “Nhân viên đại lý thuế” là người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế cấp và làm việc cho đại lý thuế.

2.3. “Người dự thi” là người Việt Nam hoặc người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam từ 1 năm trở lên có đủ các điều kiện dự thi quy định tại khoản 1, Mục IV Thông tư này.

II. ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

1. Điều kiện đăng ký nhân viên đại lý thuế:

Nhân viên đại lý thuế phải có đủ các điều kiện sau:

1.1. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài được phép sinh sống và làm việc tại Việt Nam trong thời hạn từ một năm trở lên (kể từ thời điểm đăng ký hành nghề), trừ các trường hợp nêu tại khoản 2, Mục II Thông tư này.

1.2. Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước.

1.3. Có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế cấp.

1.4. Là thành viên sáng lập hoặc có hợp đồng lao động làm việc trong tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

2. Các trường hợp không được đăng ký nhân viên đại lý thuế:

Cá nhân thuộc một trong các trường hợp dưới đây không được đăng ký nhân viên đại lý thuế:

2.1. Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

2.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội về kinh tế, về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích.

2.3. Nhân viên đại lý thuế đã bị thu hồi vĩnh viễn Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế hoặc trong thời gian bị xử lý vi phạm dưới hình thức tạm đình chỉ.

2.4. Cán bộ, công chức đang tại chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; Cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ đang trong thời gian quy định không được kinh doanh, theo quy định tại Nghị định số 102/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về việc quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực trách nhiệm quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ.

3. Đăng ký nhân viên đại lý thuế:

3.1. Người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế chỉ được đăng ký làm nhân viên đại lý thuế tại một đại lý thuế trong cùng một thời gian.

3.2. Nhân viên đại lý thuế đăng ký hành nghề lần đầu trong một đại lý thuế phải làm hồ sơ đăng ký nhân viên đại lý thuế và nộp cho đại lý thuế, hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký hành nghề (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này)
- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (bản sao có chứng thực)
- 01 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong thời gian 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hành nghề.

3.3. Hàng năm, trước ngày 30 tháng 11, đại lý thuế có trách nhiệm tổng hợp danh sách nhân viên đăng ký làm việc tại đại lý thuế năm sau gửi Tổng cục Thuế kèm theo hồ sơ đăng ký nhân viên đại lý thuế.

Những nhân viên đại lý thuế đã đăng ký hành nghề tại đại lý thuế năm trước nếu tiếp tục làm việc cho đại lý thuế đó năm sau thì không phải làm hồ sơ mới. Đại lý thuế báo cáo danh sách các nhân viên tiếp tục hành nghề này với Tổng cục Thuế (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

3.4. Đại lý thuế có trách nhiệm đăng ký bổ sung danh sách nhân viên đại lý thuế mới được tuyển dụng hoặc mới được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế với Tổng cục Thuế (theo Mẫu số 07 kèm theo Thông tư này) kèm theo hồ sơ đăng ký nhân viên đại lý thuế. Nhân viên đại lý thuế chỉ được hành nghề khi có tên trong danh sách nhân viên đại lý thuế do Tổng cục Thuế thông báo trên Website của Tổng cục Thuế.

3.5. Đại lý thuế có trách nhiệm thông báo về Tổng cục Thuế danh sách nhân viên hành nghề chuyên, nghỉ việc, nghỉ hưu, chết hoặc không đủ điều kiện hành nghề hành nghề theo quy định của pháp luật (theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này) trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhân viên đại lý thuế đó chính thức nghỉ việc hoặc thôi làm việc tại đại lý thuế.

3.6. Đại lý thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kiểm tra, xác nhận các điều kiện khi đăng ký hành nghề cho nhân viên đại lý thuế.

4. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hành nghề đối với đại lý thuế:

Đại lý thuế phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 4, Điều 20 Luật Quản lý thuế. Trước khi triển khai hoạt động, đại lý thuế phải lập hồ sơ đăng ký hành nghề gửi Tổng cục Thuế, hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ghi ngành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế (bản sao có công chứng hoặc chứng thực).

- Danh sách nhân viên đại lý thuế làm việc tại đại lý thuế (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo thông tư này) kèm theo đơn đăng ký hành nghề của từng nhân viên.

- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế của các nhân viên đại lý thuế có tên trong danh sách đăng ký (bản sao có chứng thực).

- 01 ảnh màu cỡ 3x4 của nhân viên đăng ký hành nghề chụp ở thời điểm làm đơn đăng ký hành nghề.

III. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ CỦA ĐẠI LÝ THUẾ

1. Trách nhiệm của cơ quan Thuế các cấp:

1.1. Tổng cục Thuế:

- a- Tổ chức thi và cấp Chứng chỉ hành nghề làm thủ tục về thuế thống nhất tập trung trên cả nước.

- b- Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về pháp luật thuế, kế toán cho người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; cho

các nhân viên đại lý thuế định kỳ hàng năm hoặc khi có sửa đổi, bổ sung hay ban hành mới về pháp luật thuế.

c- Tiếp nhận và quản lý hồ sơ đăng ký đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế.

d- Xác nhận danh sách đăng ký hành nghề đại lý thuế.

e- Tạm đình chỉ hoạt động dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với đại lý thuế vi phạm pháp luật và thông báo cho cơ quan Thuế các cấp biết.

f- Tạm đình chỉ, thu hồi Chứng chỉ hành nghề đối với nhân viên đại lý thuế và xóa tên trong danh sách đăng ký nhân viên đại lý thuế.

g- Thông báo công khai:

- Danh sách đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế đã đăng ký hành nghề đến cơ quan Thuế các cấp và đăng trên Website của Tổng cục Thuế, vào tháng 12 hàng năm;

- Danh sách bổ sung đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế mới đăng ký hành nghề hoặc ngừng hoạt động hành nghề tới cơ quan Thuế các cấp và đăng trên Website của Tổng cục Thuế trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Danh sách đại lý thuế bị tạm đình chỉ hoạt động, nhân viên đại lý thuế bị tạm đình chỉ, bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề, thời gian bị tạm đình chỉ đến cơ quan Thuế các cấp và trên Website của Tổng cục Thuế;

- Nội dung công khai bao gồm: Tên đại lý thuế, năm thành lập, địa chỉ trụ sở chính, số lượng nhân viên đại lý thuế, họ và tên nhân viên, số Chứng chỉ hành nghề và các thông tin cần thiết khác có liên quan đến đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế.

h- Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong việc chấp hành pháp luật, và các quy định của Thông tư này đối với các đại lý thuế.

i- Tổng hợp báo cáo, đánh giá định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động của các nhân viên đại lý thuế, các đại lý thuế.

k- Khi nhận hồ sơ dự thi, hồ sơ đăng ký nhân viên đại lý thuế, hồ sơ đăng ký hành nghề đối với đại lý thuế nếu kiểm tra thấy hồ sơ không đủ, đúng quy định thì Tổng cục Thuế phải thông báo bằng văn bản cho người dự thi, đại lý thuế biết trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

1.2. Cục Thuế và Chi cục Thuế:

a- Công khai danh sách đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế tại trụ sở cơ quan Thuế.